

Số : 381.../HĐTVCSVN-KHĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2011

V/v : Thỏa thuận dự án đầu tư trồng
7.616 ha cao su tại Kratie của Công
ty cổ phần cao su Dầu Tiếng -
Campuchia.

Kính gửi : Người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty
cổ phần cao su Dầu Tiếng - Campuchia

Căn cứ Luật Đầu tư Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội
thông qua ngày 12/02/2005. Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2007 của Chính
Phủ, quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

Căn cứ Quyết định số 981/2010/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 của Thủ Tướng Chính
phủ về việc chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành công ty
TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-TTg ngày 30/03/2011 của Thủ Tướng Chính phủ về
việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Công văn số 926/CVCP-QHQT ngày 14/02/2007 của Văn Phòng Chính Phủ về việc
đầu tư phát triển 100.000 ha cao su tại Vương Quốc Campuchia.

Căn cứ Quyết định số 272/QĐ-HĐQTCSVN ngày 03/01/2009 của Hội đồng quản
trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc phê duyệt chủ trương góp vốn thành
lập Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng – Campuchia để đầu tư phát triển cao su tại tỉnh
Kratie – Vương quốc Campuchia.

Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng – Campuchia có tờ trình số 05/TTr-2011 ngày
04/04/2011 về việc xin phê duyệt dự án đầu tư trồng cao su tại huyện Chhloung và Snuol,
tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia.

Xét tờ trình số 05/TTr-2011 ngày 04/04/2011 của Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng
– Campuchia về việc xin phê duyệt dự án đầu tư trồng cao su tại huyện Chhloung và
Snuol, tỉnh Kratie, Vương Quốc Campuchia.

Căn cứ tờ trình số 2005 /TTr-CSVN ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Tổng Giám
Đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận dự án đầu tư trồng 7.616 ha cao
su của Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng – Campuchia.

Hội Đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có ý kiến thỏa thuận
dự án đầu tư trồng 7.616 ha cao su của Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng – Campuchia
như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư trồng 7.616 ha cao su tại huyện Chhloung và Snuol, tỉnh
Kratie, Vương Quốc Campuchia.

2. Địa điểm thực hiện dự án : Huyện Chhloung và Snuol, tỉnh Kratie, Vương Quốc
Campuchia.

3. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng – Campuchia

4. Đơn vị tư vấn lập dự án: Công ty cổ phần KCN Hồ Nai

5. Mục tiêu dự án: Trồng, chăm sóc, khai thác, kinh doanh : 7.616 ha cao su

6. Tiến độ trồng cao su từ 2011 – 2014 : 7.616 ha

Ghi chú: Công ty phải trồng mới bằng cây bầu 2-3 tầng lá ổn định để rút ngắn thời gian KTCB vườn cây (không trồng bằng tum trần); thâm canh theo quy trình kỹ thuật cây cao su ban hành năm 2004.

7. Năng suất bình quân: 2,0 tấn/ha.

8. Tổng mức đầu tư duyệt: **1.679.732,82 triệu đồng** (Một nghìn sáu trăm bảy mươi chín tỷ, bảy trăm ba mươi hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng); Trong đó:

8.1 Chi phí xây lắp: 1.136.904,17 triệu đồng

- Đầu tư nông nghiệp: 978.137,04 triệu đồng

- Đầu tư XD dân dụng và vật kiến trúc: 58.257,00 triệu đồng

- Giao thông: 9.010,13 triệu đồng

- Hệ thống điện nước: 1.500,00 triệu đồng

- Nhà máy chế biến cs 15.000 tấn/năm: 90.000,00 triệu đồng

8.2 Đầu tư thiết bị quản lý và SX: 21.425,00 triệu đồng

8.3. Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 12.595,41 triệu đồng

8.4. Chi phí khác: 93.288,57 triệu đồng

8.5. Chi phí trả lãi vay ngân hàng: 299.689,00 triệu đồng

8.6. Chi phí dự phòng : 115.830,00 triệu đồng

(Chi tiết tại bản phụ lục đính kèm)

9. Cơ cấu nguồn vốn: 1.679.732,82 triệu đồng

Trong đó :

- Vốn Chủ sở hữu: 50 %/TMĐT, (tương đương 839.866,41 triệu đồng)

- Vốn vay tín dụng: 50 %/TMĐT, (tương đương 839.866,41 triệu đồng).

10. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thoả thuận dự án đầu tư trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật, suất đầu tư bình quân của các hạng mục đầu tư trong dự án. Giao Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng - Campuchia có trách nhiệm chỉ đạo:

- Phê duyệt dự án đầu tư và trình cấp có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục đầu tư theo đúng quy định hiện hành.
- Phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát lập dự án tiết tục tiến hành khảo sát chi tiết để chọn phần diện tích đất thích hợp trồng cây cao su trước khi tiến hành khai hoang, trồng mới.
- Giám sát việc tổ chức thực hiện với tinh thần tiết kiệm, giảm chi phí, đảm bảo quy trình kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của dự án.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Q. CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD;
- Kiểm soát viên;
- Các Ban TCKT, QLKT, HTĐT, XDCB;
- Lưu: VT, KHĐT.



Lê Quang Thung


TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRỒNG 7616 HA CAO SU
Công ty cổ phần cao su Dầu Tiếng - Campuchia
 (Phụ lục đính kèm văn bản số 381 HĐTVCSVN - KHĐT, ngày 12 tháng 9 năm 2011)
 ĐVT: Tr. đồng

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư
I	Chi phí xây dựng			1.136.904,17
1	Đầu tư Nông nghiệp			978.137,04
1.1	Khai hoang			249.331,12
	- Khai hoang (đã bao gồm 15% thuế các loại)	ha	7.972,0	249.331,12
1.2	Trồng mới, KTCB vườn cây			709.019,14
	- Trồng mới, chăm sóc năm 1 (có trồng thảm phủ)	#	7.616	287.663,94
	- Chăm sóc KTCB năm 2	#	7.616	109.038,27
	- Chăm sóc KTCB năm 3	#	7.616	79.571,97
	- Chăm sóc KTCB năm 4	#	7.616	86.068,42
	- Chăm sóc KTCB năm 5	#	7.616	74.408,32
	- Chăm sóc KTCB năm 6	#	7.616	72.268,22
1.3	Xây dựng vườn cây			19.786,78
	- Đường lô, liên lô; cống các loại; hào chống thú			
	mương chống úng.			
2	Đầu tư xây dựng dân dụng			58.257,00
a)	Khối hành chính	m2	1.000	
b)	Các công trình phúc lợi	m2	2.500	
c)	- Nhà ở công nhân	m2	19.000	
d)	Khối nhà kho, nhà xưởng, garage	m2	700	
d)	Công trình phục vụ các Nông trường		4.535	
3	Giao thông, thủy lợi			9.010,13
	- Đường cấp phối sỏi đồi	km	6	
	- Đường nhựa	m2	15.460	
4	Hệ thống điện, nước			1.500,00
	- Hệ thống điện phục vụ sinh hoạt và cấp	Ht	4	
	- Máy phát điện các loại	cái	4	
	- giếng bơm tay, giếng khoan		4	
	- Bơm nước các loại	cái	7	
	- Hệ thống tưới vườn ươm	Ht	1	
5	Nhà máy chế biến cs 15.tấn/năm			90.000,00
II	Chi phí thiết bị phục vụ quản lý và sản xuất			21.425,00
1	Ô tô, xe máy	cái	46	
	(Xe ô tô quản lý; xe tải; xe cứu thương; xe			

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐVT	Khối lượng	Tổng vốn đầu tư
	chở mủ)			
	- xe gắn máy	cái	16	
2	Máy nông nghiệp (Máy kéo bánh hơi; romooc; dàn cày chảo; máy cắt cỏ; bồn chứa nhiên liệu; bình phun thuốc sâu)			
3	Thiết bị Văn phòng (Máy tính; máy in; máy photocopy; thiết bị khác)			
III	Chi phí tư vấn đầu tư XDCT			12.595,41
1	Chi phí khảo sát, lập dự án			
2	Chi phí thẩm tra dự án			
3	Chi phí điều tra thổ nhưỡng, phân hạng đất			
4	Chi phí đo đạc địa hình xây lắp			
5	Chi phí KS lập bản đồ đối tượng khai hoang			
6	Chi phí thiết kế khai hoang			
7	Chi phí thiết kế giao thông, đường lô			
8	Chi phí thiết kế dân dụng			
9	Chi phí thẩm tra thiết kế			
10	Chi phí thẩm tra dự toán			
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp			
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị			
13	Chi phí giám sát thi công			
14	Chi phí cắm mốc, đường bao			
IV	Chi phí khác			93.289,24
1	Chi phí sang nhượng đất dự án			87.054,24
2	Các chi phí khác			6.235,00
V	Chi phí trả lãi vay ngân hàng			299.689,00
	Tổng chi phí trực tiếp			1.563.902,82
VI	Chi phí dự phòng	ĐM		115.830,00
	TỔNG SỐ			1.679.732,82